| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ LONG XUYÊN**<br>**TỈNH AN GIANG**<br>**Bản án số: 150/2024/HS-ST**<br>**Ngày 25 tháng 9 năm 2024** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa - Bà Lê Thị Thanh Vân

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Thành + Ông Lê Tùng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 129/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

**1. Ngô Lâm Q (tên gọi khác Q T T)**, sinh năm 1995 tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Không đăng ký thường trú, tạm trú phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Nơi ở hiện tại: phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn: Không; Cha: Không rõ họ tên; Mẹ: Ngô Thị Thùy L (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: ngày 06/8/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Chấp hành xong ngày 29/6/2015; Ngày 14/9/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Chấp hành xong ngày 27/4/2018; Ngày 19/3/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". Chấp hành xong hình phạt ngày 03/7/2021, chưa nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 968.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Tiền sự: Ngày 18/02/2021 bị Tòa án nhân dân

thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ra quyết định đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 14 tháng. Chấp hành xong quyết định ngày 13/01/2023. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 17/02/2024 đến nay tại Trại Tạm giam Công an tỉnh An Giang. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Lại Minh T**, sinh năm 1999 tại Long Xuyên, tỉnh An Giang. Nơi thường trú: Không đăng ký thường trú tại một nơi nhất định. Nơi ở hiện tại: phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn: Không; Con ông Lại Ngọc C và bà Lê Út Đ (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 07/01/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ra quyết định đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng. Chấp hành xong quyết định ngày 27/3/2022. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 26/4/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**3. Huỳnh Thị N**, sinh năm 1997 tại huyện T, tỉnh An Giang; Nơi thường trú: huyện T, tỉnh An Giang; Nơi ở hiện tại: xã V huyện T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn: Không; Con ông Huỳnh Văn Đ1 và bà Phạm Thị L1 (đã chết); có chồng Lê Văn Vũ H và 01 người con, sinh năm 2022; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: ngày 31/01/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 12 tháng. Chấp hành xong quyết định ngày 14/11/2018; Ngày 02/01/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 20 tháng. Chấp hành xong quyết định ngày 01/4/2021. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 17/02/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Long Xuyên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**4. Chế Hồng P**, sinh năm 1991 tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; Nơi thường trú: phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang; Nơi ở hiện tại: Không có nơi cư trú rõ ràng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn: Không; Con ông Chế Hồng S (đã chết) và bà Nguyễn Thị Mỹ H1; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Ngày 04/7/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/3/2020, chưa nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 45.000.000
đồng tiền thu lợi bất chính; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 22/5/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Long Xuyên. Bị

cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Dương Thế D1, sinh năm 1979. Nơi cư trú: phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

2. Ông Hà Văn L2, sinh năm 1957. Nơi cư trú: phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3. Bà Huỳnh Thị Thanh T1, sinh năm 1995. Nơi cư trú: phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

4. Ông Phạm Phú K, sinh năm 1971. Nơi cư trú: xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Đức P1, sinh năm 1989. Nơi cư trú: xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Nơi ở hiện nay: xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

6. Ông Trịnh Văn S1, sinh năm 1963. Nơi cư trú: xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

7. Bà Lê Thị Yến P2, sinh năm 1968. Nơi cư trú: xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

8. Ông Dương Văn A, sinh ngày 19/8/2006. Nơi cư trú: xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Có mặt.

9. Bà Nguyễn Thị Thùy T2, sinh năm 1993. Nơi cư trú: xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

10. Ông Ngô Hồng N1, sinh năm 1990. Nơi cư trú: xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Tô Thùy D2, sinh năm 1972. Nơi cư trú: thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

2. Ông Trần Quốc V, sinh năm 1980. Nơi cư trú: phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3. Ông Huỳnh Ngọc T3, sinh năm 1990. Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

4. Ông Phùng Văn T4, sinh năm 1988. Nơi cư trú: phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

5. Ông Vũ Thanh S2, sinh năm 1993. Nơi cư trú: phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Ngọc T5, sinh năm 1987. Nơi cư trú: khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

Người làm chứng: Các ông, bà Nguyễn Văn H2, Kim Văn S3, Kim Văn S4, Kim

Thị Mỹ L3, Nguyễn Văn P3, Trần Văn P4. Tất cả vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Lâm Q có 03 tiền án về tội "Gây rối trật tự công cộng", "Mua bán trái phép chất ma túy", "Cướp giật tài sản". Để có tiền tiêu xài, từ ngày 09/9/2023 đến ngày 16/02/2024 Q thực hiện hành vi cướp tài sản, trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản cùng Lại Minh T, Huỳnh Thị N, Chế Hồng P, hành vi phạm tội sau:

**Vụ thứ nhất:** Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 09/9/2023 Q mượn xe đạp của anh Huỳnh Ngọc T3 làm phương tiện tìm tài sản lấy trộm, nhưng không nói cho anh T3 biết. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, Q điều khiển xe đạp đến công trình thi công tuyến tránh thành phố L thuộc khóm T, phường M, thành phố Long Xuyên, thấy xe mô tô biển số 61E1-179.38 của anh Dương Thế D1 dựng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt, anh D1 dùng điện thoại chụp ảnh của Q lại thì Q cầm dao tự chế dài khoảng 60cm, cán bằng gỗ, lưỡi dao bằng kim loại do Q nhặt được trên đường đe dọa, anh D1 bỏ chạy. Q dựng xe đạp trên cầu tạm và lấy xe mô tô của anh D1 thì bị anh Nguyễn Văn H2 ngăn cản, Q tiếp tục cầm dao đe dọa anh H2, lấy xe đem bán cho người đàn ông không biết tên ở khu vực cầu C thuộc thành phố Cần Thơ, với giá 2.500.000 đồng.

**Vụ thứ hai và ba:** Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 07/10/2023, Q thuê xe mô tô khách đi từ thành phố Long Xuyên đến khu vực chợ V1, thuộc xã V, huyện T thì xuống xe đi bộ tìm tài sản lấy trộm. Khi đến kênh M xã V, huyện T, thấy xe mô tô biển số 67L5-3530, nhãn hiệu DAEMOT, màu xanh của anh Nguyễn Đức P1 dựng, Q mở khóa lấy trộm điều khiển về phường M, thành phố Long Xuyên, mở cốp dưới yên xe phát hiện 01 ví da bên trong ví có 360.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9, màu xanh. Q mang điện thoại bán cho T7 (không biết họ, địa chỉ) ở Tp.Long Xuyên với giá 300.000 đồng. Do sợ bị phát hiện, Q gỡ biển số xe, ném căn cước công dân, giấy phép lái xe hạng A1 của anh P1 xuống kênh gần khu vực cầu C thuộc phường M, thành phố Long Xuyên và lấy biển số 51Y6-0726 nhặt được gắn vào xe làm phương tiện đi lại.

Khoảng 10 giờ ngày 09/10/2023, Q điều khiển xe biển số 67L5-3530 (đã thay đổi thành biển số 51Y6-0726) từ thành phố L đến quán C2, thuộc xã V, huyện T, tỉnh An Giang để xe tại quán và thuê xe mô tô khách chở đến tiệm cầm đồ khóm T, thị trấn P, huyện T do Tô Thùy D2 làm chủ. Q đưa giấy biên nhận cầm đồ tên Nguyễn Đức P1 yêu cầu lấy thêm tiền cầm xe, nhưng chị D2 không đồng ý và điện thoại anh P1 trình báo Công an. Anh P1 đến Công an thị trấn P trình báo, thì Trần Văn P4 và Nguyễn Văn P3 là bảo vệ dân phố được phân công đến tiệm cầm đồ, liền bị Q rút 01 cây dao tự chế trong người ra đe dọa, bỏ chạy. Trên đường bỏ chạy, Q thấy xe mô tô biển số 67K7-1817 của

ông Trịnh Văn S1 đang dựng, nên mở khóa lấy trộm điều khiển đến khu vực chùa C3, thuộc khóm P, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang thì xe không chạy được nên Q đạp xe ngã xuống kênh.

**Vụ thứ tư:** Khoảng 23 giờ ngày 22/12/2023, Q mua 01 xe mô tô nhãn hiệu honda Wave, biển số 85V1-4723 của người bạn tên Q1 (không rõ nhân thân) với giá 800.000 đồng. Đến khoảng 08 giờ ngày 23/12/2023, Q điều khiển xe mô tô trên đến nhà anh Phùng Văn T4, khóm Đ, phường M, thành phố Long Xuyên, bán cho anh T4 với giá 700.000 đồng. Khoảng 10 giờ ngày 23/12/2023, anh Kim Văn S4 thấy xe mô tô biển số 85V1-4723 đang dựng tại nhà anh T4, nên chuộc lại xe với giá 300.000 đồng, mang về dựng trước sân nhà, khóm Đ, phường M, thành phố Long Xuyên và kêu chị Kim Thị Mỹ L3 dùng xích khóa lại. Sau đó, anh T4 điện thoại cho Q nói xe Q mang bán là của anh S4 bị mất trộm mới đến chuộc lại. Lúc này, Q kêu T6 dùng xe mô tô chở Q về nhà Trần Văn H3 (H) thuộc khóm T, phường M, thành phố Long Xuyên lấy cây dao tự chế dài khoảng 60cm cùng đi đến nhà anh S4. Tại đây, T6 dừng xe trước cửa nhà, còn Q cầm cây dao tự chế vào nhà anh S4 đe dọa anh Kim Văn S3, chị L3, chị Huỳnh Thị Thanh T1 lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10, màu đen của chị T1 đang để trên tủ thờ để vào túi quần và yêu cầu chị L3 mở khóa lấy xe Wave biển số 85V1-4723 điều khiển xe cùng T6 đến nhà anh T4 để bán xe, nhưng anh T4 không đồng ý mua. Sau đó, T6 và Q đến nhà của H3. Tại đây, Q đưa điện thoại di động vừa chiếm đoạt của chị T1 cho T6, T6 đưa cho Q thêm 200.000 đồng. Khoảng 19 giờ ngày 23/12/2023, Q, T6 điều khiển xe Wave biển số 85V1-4723 đến vựa phế liệu của Trần Quốc V bán 550.000 đồng chia nhau tiêu xài.

**Vụ thứ năm:** Khoảng 02 giờ, ngày 11/01/2024, Q đi xe mô tô khách từ thành phố L đến lộ tẻ ông C1 thuộc huyện T, xuống xe đi tìm tài sản để lấy trộm, đến nhà trọ xã V, huyện T, tỉnh An Giang, Q dùng kìm cộng lực mang theo cắt khoen cửa kéo, đột nhập lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu ATTILA, biển số 67L3-0252 của chị Lê Thị Yến P2. Xe không nổ máy nên Q dẫn xe về hướng lộ tẻ ông C1, đến khoảng 02 giờ 40 phút cùng ngày, Q gặp anh Dương Văn A đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, màu đen bạc, biển số 67C1-851.35 nên nhờ anh A đẩy xe, anh A đẩy xe cho Q đến gần cầu M thuộc xã V, huyện T, thì anh A không đẩy được nữa, nên Q kêu anh A đổi người đẩy thì anh A giao xe biển số 67C1-851.35 của anh A cho Q điều khiển đẩy, lợi dụng sơ hở Q tăng ga bỏ chạy. Anh A truy hô, đuổi theo nhưng không kịp, sau đó anh A dẫn xe mô tô biển số 67L3-0252 đến Công an xã V, huyện T trình báo. Sau khi chiếm đoạt xe mô tô của anh A, Q đem xe bán cho người không rõ họ tên ở khu vực quận T, thành phố Cần Thơ với giá 4.000.000 đồng.

**Vụ thứ sáu:** Khoảng 09 giờ ngày 16/02/2024, anh Phạm Phú K dựng xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 60M9-6559 trong khu vực để xe của nhà nghỉ H5 thuộc khóm T, phường M, thành phố L. Cùng thời điểm này, Ngô Lâm Q, Huỳnh Thị N đang thuê phòng tại nhà nghỉ, nên Q nảy sinh ý định lấy trộm xe. Q kêu N điều khiển xe mô tô (không nhớ rõ biển số) của Q về trước. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Q lén lút mở khóa xe mô tô biển số 60M9-6559 rồi về phòng, một lúc sau thấy không ai trông coi, Q lấy trộm xe mô tô biển số 60M9-6559 điều khiển xe đến tiệm cầm đồ Vân 2, số B, đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang cầm với giá 3.000.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, anh K phát hiện xe bị mất trộm và ngày 18/02/2024, anh K đến Công an phường M để trình báo.

**Vụ thứ bảy:** Khoảng 22 giờ ngày 16/02/2024, Q đang ở nhà trọ "Chí Hiếu" thuộc phường M, thành phố L, thì Sang Bá H4 (không rõ họ, địa chỉ) rủ đi trộm cắp tài sản thì Q đồng ý. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 17/02/2024, Q lấy 01 cây dao tự chế có cán dao màu vàng, lưỡi dao màu trắng để trong bụi cây trước cửa nhà trọ, điều khiển xe mô tô (không nhớ rõ biển số), loại xe Wave S đến công viên M gặp S2 điều khiển xe máy (không nhớ rõ biển số), loại xe Wave, màu đen chở Chế Hồng P và Trần Văn H3. Lúc này, P đưa cho Q 01 cây kìm cộng lực, xong Q, P, S2, H3 điều khiển 02 xe mô tô về hướng huyện T, đến trước nhà trọ "Chí Hiếu" thuộc phường M, thành phố L, Q điện thoại cho Huỳnh Thị N rủ đi trộm cắp tài sản thì N đồng ý, nên Q chở N, S2 điều khiển xe mô tô chở P, H3 cùng đi. Khi đến nhà trọ "Quỳnh Hương" thuộc ấp T, xã V, huyện T, thì S2 và H3 tự ý bỏ về, Q phân công Nhạn kêu cửa mục đích gây tiếng ồn để Q và P dùng kìm cộng lực cắt ổ khóa cửa để tìm tài sản lấy trộm, P kêu Nhạn tắt đèn trước cửa nhà trọ, khi cắt được ổ khóa Q và P vào lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu đỏ, biển số 67M1-960.14 và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, màu trắng đen, biển số 67M1-553.17 của anh Ngô Hồng N1, chị Nguyễn Thị Thùy T2 dựng trong nhà trọ. Sau đó, N điều khiển xe mô tô của Q chạy về nhà, còn Q và P đẩy 02 xe máy vừa trộm được đến đoạn cầu K, thuộc xã V, huyện T, tỉnh An Giang thì bị người dân cùng lực lượng Công an phát hiện, P để xe lại bỏ chạy, còn Q bị bắt cùng tang vật. Đến ngày 22/5/2024, P đến Công an huyện T đầu thú về hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 (một) biển số 51Y6-0726; 01 (một) cây kềm cộng lực màu đen, có gắn ốp tay cầm bằng nhựa dài 40cm; 01 (một) cây dao tự chế cán bằng gỗ màu nâu, lưỡi bằng kim loại màu trắng, kích thước (50 x 0,5)cm; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 8, màu xám.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 232/KL-HĐĐGTS ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong tố tụng hình sự trên địa bàn thành phố L kết luận: 01 xe mô tô biển số 61E1-179.38, màu trắng đen, giá trị

8.200.000 đồng.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 1226/KL-HĐĐGTS ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong tố tụng hình sự trên địa bàn thành phố L kết luận: 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu rebat, kiểu dáng xe wave, biển số 85V1-4723, màu đen, giá trị 3.775.000 đồng; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A10, màu đen, đã qua sử dụng giá trị 1.545.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 5.320.000 đồng.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐGTS ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng định giá thường xuyên để định giá tài sản trong tố tụng hình sự trên địa bàn thành phố L kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 60M9-6559, màu xanh, có giá trị 4.500.000 đồng.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 90/KL-HĐĐGTS ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu DEAMOT, loại C100, biển số 67L5-3530, màu xanh, đã qua sử dụng có giá trị 4.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 màu xanh, giá trị 1.000.000 đồng; 01 sim điện thoại mang Viettel số 0979.887.751 giá trị 100.000 đồng; 01 ví da màu đen giá trị 50.000 đồng. Tổng giá trị 5.650.000 đồng.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 89/KL-HĐĐGTS ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu WAZALET, biển số 67K7-1817, màu đỏ, giá trị 5.250.000 đồng.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, biển số 67C1-851.35, màu đen bạc, giá trị 14.240.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila, biển số 67L3-0252, màu hồng giá trị 2.500.000 đồng. Tổng giá trị 16.740.000 đồng.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 67M1-960.14, màu đỏ, giá trị 14.000.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vario, biển số 67M1-553.17, màu trắng đen, giá trị 51.000.000 đồng. Tổng giá trị 65.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông D1 yêu cầu bồi thường 8.200.000 đồng; ông S1 yêu cầu bồi thường 5.000.000 đồng; Tại phiên tòa, ông A yêu cầu bồi thường 14.240.000 đồng. Riêng ông K, ông P1, bà P2, bà T2, ông N1 đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường. Ông L2, bà T1 không yêu cầu bồi thường.

Ông T4, ông V mua xe của bị cáo Q; ông S2, ông T5 nhận cầm xe do bị cáo Q đem cầm, nhưng không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có, tất cả người liên quan không yêu cầu bồi thường.

Tại Cáo trạng số: 138/CT-VKSLX, ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên truy tố các bị cáo Ngô Lâm Q, Lại Minh T6, Huỳnh Thị N, Chế Hồng P về tội "Cướp tài sản", "Cướp giật tài sản", "Trộm cắp tài sản". Q theo điểm d, h khoản 2 Điều 168; điểm i khoản 2 điều 171; điểm c, g khoản 2 Điều 173; Tiền theo điểm d khoản 2 Điều 168; Phong, N theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Ngô Lâm Q, Lại Minh T6, Huỳnh Thị N, Chế Hồng P khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu.

Bị hại Dương Văn A có mặt tại phiên tòa; các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt, quá trình điều tra trình bày nội dung vụ án phù hợp với Cáo trạng nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Áp dụng điểm d, h khoản 2 Điều 168; điểm c, g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Lâm Q từ 08 năm đến 09 năm tù về tội "Cướp tài sản"; từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng điểm i khoản 2 điều 171; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Ngô Lâm Q từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, đề nghị tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Ngô Lâm Q cả ba tội danh từ 14 năm đến 16 năm tù.

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Lại Minh T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản".

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Chế Hồng P từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Thị N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 biển số 51Y6-0726, 01 cây kềm cộng lực màu đen, 01 cây dao tự chế cán bằng gỗ màu nâu. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Note 8, màu xám của bị cáo N. Trả lại cho ông Nguyễn Ngọc T5 01 xe mô tô biển số 66F1-647.13. Trả lại cho ông Huỳnh Ngọc T3 01 xe đạp.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 590 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Ngô Lâm Q bồi thường cho ông Dương Thế D1 8.200.000 đồng; bồi thường cho ông Trịnh Văn S1 5.000.000 đồng; bồi thường cho ông Dương Văn A 14.240.000 đồng.

Các bị cáo thống nhất ý kiến phát biểu luận tội và đề nghị mức hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng của đại diện Viện kiểm sát. Không tranh luận, bào chữa.

Bị hại Dương Văn A thống nhất ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Đối với các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng quy định pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không khiếu nại, không có ý kiến về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Tại phiên tòa có mặt bị hại Dương Văn A, các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt không có lý do. Xét thấy, những người tham gia tố tụng nêu trên được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, quá trình điều tra đã cung cấp lời khai phù hợp nội dung vụ án và các tài liệu chứng cứ, vật chứng thu thập được nên sự vắng mặt của những người trên không gây trở ngại việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thừa nhận thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản như nội dung Cáo trạng. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp nhau, phù hợp lời khai của các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm cùng các tang vật, vật chứng thu giữ được thu thập khách quan, đúng pháp

luật. Do đó, có đủ căn cứ kết luận ngày 09/9/2023 bị cáo Q dùng dao là hung khí nguy hiểm đe dọa chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 67E1-179.83 trị giá 8.200.000 đồng của ông D1; ngày 07/10/2023 bị cáo Q lấy trộm 01 xe mô tô hiệu DEAMOT, biển số 67L5-3530 trị giá 4.500.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu OPPO F9 trị giá 1.000.000 đồng, 01 sim điện thoại trị giá 100.000 đồng, 01 ví da trị giá 50.000 đồng và 360.000 đồng tiền Việt Nam của ông P1; ngày 09/10/2023 bị cáo Q lấy trộm 01 xe mô tô hiệu WAZALET, biển số 67K7-1817 trị giá 5.250.000 đồng của ông S1; ngày 22/12/2023 bị cáo Q cùng bị cáo T6 dùng dao là hung khí nguy hiểm đe dọa chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 85V1-4723 của ông L2 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10 của bà T1, tổng giá trị tài sản 5.320.000 đồng; ngày 11/01/2024 bị cáo Q lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila, biển số 67L3-0252 trị giá 2.500.000 đồng của bà P2 và cướp giật 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha biển số 67C1-851.35 trị giá 14.240.000 đồng của ông A; ngày 16/02/2024 bị cáo Q lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 60M9-6559 trị giá 4.500.000 đồng của ông K. Cùng ngày 16/02/2024 bị cáo Q cùng các bị cáo N, P lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 67M1-960.14 trị giá 14.000.000 đồng của ông N1 và 01 xe mô tô hiệu Honda Vario biển số 67M1-553.17 trị giá 51.000.000 đồng của bà T2, tổng giá trị tài sản 65.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Q đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản"; hành vi của bị cáo Q và bị cáo T6 đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản"; hành vi của các bị cáo Q, P, N đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản".

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Q có 03 tiền án nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168; điểm i khoản 2 Điều 171 và điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đồng thời khi thực hiện hành vi cướp tài sản, bị cáo Q và bị cáo T6 dùng dao là hung khí nguy hiểm đe dọa để chiếm đoạt tài sản thỏa mãn tình tiết định khung "Sử dụng vũ khí nguy hiểm" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm; hành vi cướp giật tài sản của bị cáo Q thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 03 năm đến 10 năm; hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Q, bị cáo N và bị cáo P thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Q, thỏa mãn tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N và bị cáo P có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và

an toàn trong xã hội làm quần chúng nhân dân lên án, bất bình. Do đó, cần xử lý nghiêm hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân người phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội cướp giật tài sản của bị cáo Q và hành vi cướp tài sản của bị cáo cùng bị cáo T thuộc loại tội rất nghiêm trọng; hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo Q, N, P thuộc loại tội nghiêm trọng. Xét thấy, bị cáo Q nhiều lần bị xét xử với nhiều tội danh khác nhau và còn có tiền sự bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; bị cáo P có tiền án; bị cáo T có tiền sự; bị cáo N mặc dù đã xóa tiền sự, nhưng 2 lần bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chứng tỏ nhân thân của các bị cáo xấu. Lẽ ra sau khi chấp hành xong hình phạt, quyết định hành chính các bị cáo phải quyết tâm cải tạo, chịu khó lao động, hoàn lương để trở thành công dân có ích cho bản thân, gia đình và xã hội, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài, hưởng thụ mà không phải lao động nên các bị cáo tiếp tục trượt dài vào con đường phạm tội. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng chất mức độ nghiêm trọng của tội phạm đối với hành vi các bị cáo gây ra. Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội các bị cáo gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo P có tiền án nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; bị cáo N và bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Q, T, N, P được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo P còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ đầu thú quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Xét vai trò đồng phạm của từng bị cáo: Bị cáo Q và bị cáo T là đồng phạm tội cướp tài sản; bị cáo Q, P, N đồng phạm tội trộm cắp tài sản. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có bàn bạc nhưng không câu kết chặt chẽ mà chỉ thể hiện sự tiếp nhận, thống nhất ý chí thông qua việc cùng nhau thực hiện nên là đồng phạm giản đơn. Đối với tội cướp tài sản bị cáo Q là người giữ vai trò chính, chủ động rủ rê, khởi xướng, trực tiếp chiếm đoạt tài sản, bị cáo T là người giúp sức, nên tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo Q gây ra cao hơn so với bị cáo T. Đối với tội trộm cắp tài sản bị cáo Q là người chủ động rủ rê, bàn bạc và trực tiếp chiếm đoạt tài sản; bị cáo P chuẩn bị phương tiện phạm tội, chiếm đoạt tài sản; bị cáo N giúp sức, nên tính chất mức

độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo Q gây ra cao hơn so với bị cáo P, bị cáo N.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng; khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng và khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp, tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Ông K, ông P1, bà P2, bà T2, ông N1 đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường; ông L2, bà T1 không yêu cầu bồi thường; ông T4, ông V mua xe từ bị cáo Q; ông S2, ông T5 nhận cầm xe do bị cáo Q đem cầm. Khi mua xe, nhận cầm xe các ông không biết tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, tất cả không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ông D1 yêu cầu bị cáo Q bồi thường 8.200.000 đồng;

ông S1 yêu cầu bị cáo Q bồi thường 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông A thay đổi giảm số tiền yêu cầu, chỉ yêu cầu bị cáo Q bồi thường 14.240.000 đồng. Xét yêu cầu bồi thường của ông D1, ông S1 và ông A có căn cứ, bị cáo Q đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị cáo Q bồi thường cho ông D1 8.200.000 đồng; ông S1 5.000.000 đồng và ông A 14.240.000 đồng.

[8]. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Xuyên có thu giữ đồ vật, tài liệu theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 27/8/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Xuyên và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, xử lý như sau:

Đối với 01 (một) cây kềm cộng lực màu đen; 01 (một) cây dao tự chế; 01 (một) áo thun ngắn tay màu xanh (đã qua sử dụng); 01 (một) biển số 51Y6-0726 có liên quan hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy Note 8, bị cáo N dùng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu phát mãi sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 66F1-647.13 và 01 (một) xe đạp (đã qua sử dụng) không liên quan tội phạm, nên trả lại cho ông Nguyễn Ngọc T5 và ông Huỳnh Ngọc T3.

[9]. Đối với việc ông Hà Văn L2 khai mất xe mô tô biển số 85V1-4723 chưa xác định hành vi phạm tội, người thực hiện tội phạm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Xuyên tiếp tục xác minh xử lý sau là phù hợp quy định pháp luật.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[11]. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

**Tuyên bố:** Bị cáo Ngô Lâm Q (Q T T) phạm tội "Cướp giật tài sản"; Bị cáo Ngô Lâm Q (Q T T) và bị cáo Lại Minh T phạm tội "Cướp tài sản"; Bị cáo Ngô Lâm Q (Quân T), bị cáo Huỳnh Thị N, bị cáo Chế Hồng P phạm tội "Trộm cắp tài sản".

**Căn cứ**: điểm d, h khoản 2 Điều 168; điểm i khoản 2 Điều 171; điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Xử phạt:** Bị cáo Ngô Lâm Q (Quân T) **08** (tám) năm tù về tội "Cướp tài sản"; **03** (ba) năm tù về tội "Cướp giật tài sản"; **03** (ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt. Buộc bị cáo Ngô Lâm Q (Quân Thái T) phải chấp hành hình phạt chung là **14** (mười bốn) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17 tháng 02 năm 2024.

**Căn cứ**: điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Xử phạt:** Bị cáo Lại Minh T **07** (bảy) năm tù về tội "Cướp tài sản".

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 26 tháng 4 năm 2024.

**Căn cứ**: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Xử phạt:** Bị cáo Huỳnh Thị N **02** (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 17 tháng 02 năm 2024.

**Căn cứ**: điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

**Xử phạt:** Bị cáo Chế Hồng P **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22 tháng 5 năm 2024.

**Căn cứ vào** điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây kềm cộng lực màu đen; 01 (một) cây dao tự chế; 01 (một) áo thun ngắn tay màu xanh (đã qua sử dụng); 01 (một) biển số 51Y6-0726.

- Tịch thu phát mãi sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động S5 8.

- Trả lại cho ông Nguyễn Ngọc T5 01 (một) xe mô tô biển số 66F1-647.13.

- Trả lại cho ông Huỳnh Ngọc T3 01 (một) xe đạp (đã qua sử dụng).

(Đặc điểm theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 27/8/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Xuyên và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584; 585; 586 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị cáo Ngô Lâm Q (Q T T) phải bồi thường cho ông Dương Thế D1 8.200.000đ (Tám triệu hai trăm nghìn) đồng; bồi thường cho ông Trịnh Văn S1 5.000.000đ (Năm triệu) đồng; bồi thường cho ông Dương Văn A 14.240.000đ (Mười bốn triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lại Minh T, Huỳnh Thị N, Chế Hồng P mỗi bị cáo nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Ngô Lâm Q (Q T T) nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.372.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo Ngô Lâm Q (Q T T), Lại Minh T, Huỳnh Thị N, Chế Hồng P và bị hại ông Dương Văn A có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; 7b Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
- Tòa án ND tỉnh AG;
- VKS ND tỉnh An Giang;
- VKS ND Tp. Long Xuyên;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Nhà Tạm giữ CA.TPLX;
- Cơ quan THA.HS công an TPLX;
- CQĐT Công an Tp. Long Xuyên
- Chi cục THA DS Tp. Long Xuyên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Bộ phận THA. Tòa án;
- Lưu hồ sơ - văn phòng;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**( đã ký)**

**Nguyễn Thị Hoa**